

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 149/2018/HS-PT

Ngày : 05 - 11 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Ngọc Sơn

Các Thẩm phán:

1. Ông Hoàng Ngọc Linh.

2. Ông Cao Minh Lễ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhuận – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thành Năng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 113/2018/TLPT-HS ngày 03/8/2018 đối với bị cáo Lê Thị Thúy H do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2018/HSST ngày 20/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Bị cáo có kháng cáo:

Lê Thị Thúy H, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Ấp V, xã Vĩnh T, huyện An P, tỉnh An Giang. Nghề nghiệp: Giáo viên; trình độ học vấn: 12/12; con ông Lê Văn C, sinh năm 1953 và bà Võ Thị H, sinh năm 1958; có chồng Nguyễn Vũ T, sinh năm 1986. Có 02 con sinh năm 2009 và 2018.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

(Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Nguyễn Thành Th và những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 20/3/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện An Phú nhận được Công văn số 14 ngày 24/02/2017 của Thanh tra Nhà nước huyện An Phú, về việc kiến nghị khởi tố đối với Nguyễn Thành Th – Kế toán Trường Tiểu học A có hành vi chiếm dụng tiền ngân sách của Trường.

Từ tháng 07/2013 đến tháng 7/2017, Nguyễn Thành Th được phân công làm kế toán tại Trường Tiểu học A với nhiệm vụ: Mở các loại hồ sơ sổ sách theo quy định về tài chính - kế toán; tham mưu với Lãnh đạo dự trù kinh phí theo quy định về sử dụng ngân sách Nhà nước; rút và quyết toán các khoản lương, phụ cấp, hoạt động phí; lập các loại báo cáo tháng, quý, năm về tình hình sử dụng ngân sách Nhà nước theo đúng quy định, theo dõi quá trình năng lương, phụ cấp của giáo viên, công nhân viên của trường, dự toán phân bổ hiểm xã hội do ngân sách Nhà nước hỗ trợ cho cơ quan Bảo hiểm xã hội, quản lý, cập nhật hồ sơ viên chức của đơn vị.

Năm 2005, Lê Thị Thúy H vào công tác tại Trường Tiểu học C Vĩnh Trường (sau này là Trường Tiểu học A do Trường C xác nhập vào Trường A), nhiệm vụ được phân công làm văn thư lưu trữ. Năm 2007, được phân công thêm nhiệm vụ thủ quỹ của trường, nhiệm vụ nhận tiền lương phát cho giáo viên, thu bảo hiểm xã hội của giáo viên đóng và nộp cho cơ quan Bảo hiểm xã hội huyện.

Lợi dụng chức trách, nhiệm vụ được giao, trong giai đoạn từ tháng 7/2013 đến tháng 4/2015 Nguyễn Thành Th và Lê Thị Thúy H đã làm chênh lệch trên bảng lương và lập chứng từ rút tiền ngân sách Nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm hiểm cao hơn quy định để chiếm đoạt số tiền 197.380.968 đồng (trong đó Th chiếm đoạt 103.552.330 đồng, H chiếm đoạt 93.828.638 đồng), cụ thể như sau:

Đối với tiền lương: Sau khi đã thỏa thuận với H về việc làm chênh lệch bảng lương rút thừa tiền từ ngân sách Nhà nước phân bổ cho trường để chia nhau tiêu xài. Từ tháng 10/2013 đến tháng 02/2014 Th và H đã chiếm đoạt số tiền 29.313.261 đồng (trong đó Th chiếm đoạt 20.000.000 đồng, H chiếm đoạt 9.313.261 đồng). Để tránh sự phát hiện của Hiệu trưởng và kế toán kho bạc Th

sử dụng kỹ thuật vi tính trên phần mềm Excel, ẩn đi một số thứ tự (làm mất một dòng) mà trước đó Th đã thêm vào lúc lập chứng từ bảng lương trên máy vi tính, việc xóa một dòng không làm thay đổi tổng số tiền lương mà Th đã làm chệch lệch. Sau khi có bảng lương thì Th lập giấy rút để trình Hiệu trưởng phê duyệt và mang sang Kho bạc Nhà nước huyện An Phú để thực hiện giao dịch, sau khi kiểm tra Kho bạc chấp nhận thì phát hành Sec cho H là thủ quỹ mang đến ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn rút tiền về phát cho giáo viên. Cụ thể:

Tháng 10/2013 tổng số tiền lương thực lãnh là 274.778.228 nhưng Th nâng lên thành 280.860.990 đồng bằng cách thêm vào một dòng có tổng hệ số lương là 5,7514 (hệ số lương cơ bản là 3,66; hệ số phụ cấp chức vụ là 0,20; hệ số phụ cấp thâm niên nghề 0,54040; hệ số phụ cấp ưu đãi 1,351) nhân với mức lương cơ bản là 1.150.000 đồng thành tiền là 6.614.110 đồng, trừ bảo hiểm xã hội 531.348 đồng còn lại 6.082.762 đồng. H đưa cho Th 4.000.000 đồng, còn 2.082.762 đồng thì H lấy tiêu xài.

Tháng 11/2013 tổng số tiền lương thực lãnh là 274.778.228 đồng nhưng Th nâng lên thành 280.856.358 đồng bằng cách thêm vào một dòng có tổng hệ số lương là 5,4534 (hệ số lương cơ bản là 3,66; hệ số phụ cấp chức vụ là 0,15; hệ số phụ cấp thâm niên nghề 0,53340; hệ số phụ cấp ưu đãi 1,33350) nhân với mức lương cơ bản là 1.150.000 đồng thành tiền là 6.528.435 đồng trừ bảo hiểm xã hội 525.466 đồng còn lại 6.003.969 đồng. H đưa cho Th 4.000.000 đồng, còn H 2.003.969 đồng.

Tháng 12/2013 tổng số tiền lương thực lãnh là 275.103.897 đồng nhưng Th nâng lên thành 280.780.990 đồng bằng cách thêm vào một dòng có tổng hệ số lương là 5,4534 (hệ số lương cơ bản là 3,66; hệ số phụ cấp chức vụ là 00; hệ số phụ cấp thâm niên nghề 0,51240; hệ số phụ cấp ưu đãi 1,28100) nhân với mức lương cơ bản là 1.150.000 đồng thành tiền là 6.271.410 đồng trừ bảo hiểm xã hội 503.817 đồng còn lại 5.767.593 đồng. H đưa cho Th 4.000.000 đồng, còn H 1.767.593 đồng.

Tháng 01/2014 tổng số tiền lương thực lãnh là 240.346.676 đồng nhưng Th nâng lên thành 245.801.644 đồng bằng cách thêm vào một dòng có tổng hệ số lương là 5,1435 (hệ số lương cơ bản là 3,66; hệ số phụ cấp chức vụ là 0,15; hệ số phụ cấp thâm niên nghề 00; hệ số phụ cấp ưu đãi 1,33350) nhân với mức lương cơ bản là 1.150.000 đồng thành tiền là 5.915.025 đồng trừ bảo hiểm xã hội 460.058 đồng còn lại 5.454.968 đồng. H đưa cho Th 4.000.000 đồng, còn 1.454.968 đồng H lấy tiêu xài.

Tháng 02/2014 tổng số tiền lương thực lãnh là 270.329.912 đồng nhưng Th nâng lên thành 276.333.881 đồng bằng cách thêm vào một dòng có tổng hệ số lương là 5,6769 (hệ số lương cơ bản là 3,66; hệ số phụ cấp chức vụ là 0,15; hệ số phụ cấp thâm niên nghề 0,53340; hệ số phụ cấp ưu đãi 1,33350) nhân với mức lương cơ bản là 1.150.000 đồng thành tiền là 6.528.435 đồng trừ bảo hiểm xã hội 524.466 đồng còn lại 6.003.969 đồng. H đưa cho Th 4.000.000 đồng, còn H lấy 2.003.969 đồng.

Đối với tiền bảo hiểm: Từ tháng 7/2013 đến tháng 4/2015, H trích tiền thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tự nguyện hàng tháng của cán bộ, giáo viên, nhân viên Trường Tiểu học A với tổng số tiền 253.108.070 đồng, nhưng chỉ nộp cho Bảo hiểm xã hội huyện An Phú 64.947.440 đồng, còn lại 188.160.630 đồng H giữ lại cùng Th chia nhau tiêu xài cá nhân (trong đó Th chiếm đoạt số tiền 83.552.330 đồng, H chiếm đoạt số tiền 104.608.300 đồng). Để có tiền bù vào số tiền mà Th và H đã chiếm đoạt hàng tháng khi lập chứng từ rút ngân sách Nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm thì Th đã lập chứng từ rút tiền cao hơn số tiền thực tế mà Nhà nước hỗ trợ,

Tính tổng cả giai đoạn từ tháng 7/2013 đến tháng 4/2015 thì Th chuyển thừa ngân sách số tiền 103.645.253 đồng (6.699.204 đồng + 112.437.275 đồng – 15.491.226 đồng). Số tiền này được trừ sang số tiền mà Th đã chiếm đoạt là 83.552.330 đồng thì còn thừa số tiền 20.092.923 đồng và số thừa này được trừ vào số tiền mà H chiếm đoạt 104.608.300 đồng nên H đã chiếm đoạt số tiền là 84.515.377 đồng.

Như vậy tổng số tiền Th và H chiếm đoạt thông qua việc làm chênh lệch chứng từ tiền lương và tiền bảo hiểm xã hội tại Trường Tiểu học A là 197.380.968 đồng. Trong đó Th chiếm đoạt 103.552.330 đồng (tiền lương 20.000.000 + tiền BHXH 83.552.330) và H chiếm đoạt 93.828.638 đồng (tiền lương 9.313.261 đồng + tiền BHXH 84.515.377 đồng).

Ngoài ra, khi chuyển công tác về Trường Trung học cơ sở Vĩnh Trường Th tiếp tục sử dụng thủ đoạn làm chênh lệch bảng lương để chiếm đoạt số tiền từ ngân sách nhà nước phân bổ cho Trường là 35.323.860 đồng. Cụ thể: Th thêm một dòng với hệ số lương là 3.12 X mức lương cơ bản 1.150.000 đồng = 3.588.000 đồng trừ BHXH 376.740 đồng còn lại 3.211.260 đồng. Th thực hiện liên tục từ tháng 7/2015 đến tháng 5/2016 là 11 tháng. Việc này Th không bàn bạc, thỏa thuận trước với Nguyễn Thanh Tú (thủ quỹ của trường), hàng tháng khi Tú phát lương thừa ra thì Th nói làm dư tiền lương để tiếp khách và Th kêu Tú đưa 2.000.000 đồng, số còn lại thì Th Kêu Tú giữ lại. Tính tổng cộng 11 tháng Th chiếm đoạt số tiền 22.000.000 đồng, số tiền 13.323.860 đồng còn lại thì Tú giữ

lại. Khi Thanh tra phát hiện thì Th kê Tú đưa số tiền này lại và Th đã nộp cho Kho bạc.

Tại bản Cáo trạng số 14/CT-VKS-AP ngày 09/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú đã truy tố Lê Thị Thúy H về tội “Tham ô tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 29/2018/HSST ngày 20/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang đã quyết định:

Áp dụng điểm c,d khoản 2 Điều 353; Điều 17, Điều 38, Điều 46, các điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 54, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị Thúy H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tham ô tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thành Th, vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 04/6/2018 bị cáo Lê Thị Thúy H có đơn kháng cáo yêu cầu xin được hưởng án treo hoặc xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Kiểm sát viên thực hiện quyền công tố nhà nước tại phiên tòa phát biểu quan điểm về vụ án và đề xuất với Hội đồng xét xử:

- Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Bị cáo Lê Thị Thúy H có đơn kháng cáo trong hạn luật định nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận việc kháng cáo để xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

- Về nội dung: Án sơ thẩm đánh giá đúng tính chất vụ án, xét xử bị cáo Lê Thị Thúy H về tội “Tham ô tài sản” và tuyên phạt 01 năm 06 tháng tù là đúng quy định của pháp luật, đúng với tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng. Tuy nhiên, giai đoạn phúc thẩm, qua xác minh, thu thập chứng cứ và xem xét lời khai của bị cáo có trong hồ sơ và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận đã trực tiếp giao tiền nhờ bị cáo Th nộp 09 tháng tiền bảo hiểm về trên, các phiếu nộp tiền bảo hiểm trong năm 2013 – 2014 đều được lưu giữ trong hồ sơ kế toán của

Trường Tiểu học A. Tình tiết bị cáo Th mượn lại hồ sơ kế toán và làm mất chứng từ là thực tế có xảy ra. Hàng năm, Phòng giáo dục và đào tạo huyện An Phú thực hiện kiểm tra cũng không có thông báo việc Trường Tiểu học A có sai phạm về công tác tài chính nên bị cáo H không biết việc Th đã chiếm đoạt số tiền này và thay thế bằng giấy nộp tiền giả. Do đó, xác định bị cáo H hoàn toàn không có chiếm đoạt hay sử dụng tiền bảo hiểm để tiêu xài cá nhân nên không phải chịu trách nhiệm hình sự đối với khoản tiền nộp bảo hiểm. Đối với số tiền lương, cụ thể bị cáo H chiếm đoạt 9.313.261 đồng thì phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết định khung tăng nặng phạm tội 2 lần trở lên được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015 nhưng cấp sơ thẩm khi quyết định hình phạt áp dụng thêm điểm d khoản 1 Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015 là chưa chính xác, cần rút kinh nghiệm. Giai đoạn phúc thẩm, bị cáo có nộp biên lai thu tiền số 007199 ngày 04/7/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện An Phú, khắc phục toàn bộ trách nhiệm dân sự và án phí. Căn cứ khoản 4 Điều 4 Luật phòng chống tham nhũng năm 2005, sửa đổi năm 2012, thì trường hợp của bị cáo đã tự giác nộp lại số tiền tham nhũng nên có thể xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, ngoài ra, bản thân bị cáo hiện đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, là lao động chính, hoàn cảnh khó khăn, chưa tiền án tiền sự; thời gian bị cáo tại ngoại chấp hành tốt tại địa phương. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị Thúy H, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện An Phú về hình phạt. Có thể giảm cho bị cáo 06 tháng tù, xử phạt bị cáo 01 năm tù giam cũng có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng chống tội phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị cáo Lê Thị Thúy H kháng cáo trong hạn luật định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận để xét xử phúc thẩm. Trong phần quyết định của bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã áp dụng cùng điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với hai bị cáo Nguyễn Thành Th, Lê Thị Thúy H trong khi hành vi của bị cáo H chỉ thỏa mãn điểm c khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó, việc áp dụng điều luật chung cho cả hai bị cáo trong vụ án này là chưa chính xác, cần cụ thể hóa điều luật để quyết định chính xác hình phạt cho từng bị cáo. Cấp sơ thẩm cần phải rút kinh nghiệm việc này.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Thị Thúy H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, thừa nhận đã thông đồng cùng bị cáo Nguyễn Thành Th chiếm đoạt 05 tháng tiền lương của ngân sách Nhà nước với số tiền 9.313.261 đồng. Riêng tiền nộp bảo hiểm bị cáo thừa nhận sai sót trong chức trách được giao, không trực tiếp đi nộp mà nhờ Th nộp dùm, lợi dụng việc này Th đã chiếm đoạt 09 tháng tiền bảo hiểm xã hội của Trường Tiểu học A. Bị cáo không chiếm đoạt tiền bảo hiểm nhưng tự giác khắc phục toàn bộ trách nhiệm dân sự với số tiền 93.828.638 đồng (tiền lương và tiền bảo hiểm) và án phí sơ thẩm. Hoàn cảnh bị cáo hiện nay khó khăn, còn nuôi con nhỏ, tha thiết xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo, tạo điều kiện cho bị cáo ở nhà lao động, nuôi dạy con nhỏ, sống có ích cho gia đình và xã hội.

[3] Căn cứ vào quy định của pháp luật, hành vi của bị cáo Lê Thị Thúy H đã đủ dấu hiệu cấu thành tội “Tham ô tài sản”, tội phạm được quy định và trừng phạt tại điểm c khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; nên cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội danh này là có căn cứ.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Lê Thị Thúy H thì thấy: Bị cáo đứng trước tòa hôm nay là một người trưởng thành, có đầy đủ nhận thức. Nhiệm vụ được phân công là Thủ quỹ của Trường Tiểu học A, bị cáo biết rõ những nguyên tắc tài chính cũng như trình tự thủ tục thu chi của đơn vị. Lợi dụng vào chức trách, nhiệm vụ được giao, đã thông đồng với bị cáo Nguyễn Thành Th làm sai lệch bảng lương, chiếm đoạt số tiền 29.313.261 đồng. Trong đó, Th chiếm đoạt 20.000.000 đồng, H chiếm đoạt là 9.313.261 đồng. Bị cáo biết rõ việc làm sai trái của Th, làm không bằng cách thêm tên một người vào bản lương nhưng vì lòng tham, bị cáo đã không báo cáo lãnh đạo của Trường, cùng bị cáo Th chiếm đoạt tiền ngân sách, thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần nên phải chịu trách nhiệm do hành vi của mình gây ra.

Đối với tiền bảo hiểm xã hội, tại phiên tòa phúc thẩm, H thừa nhận có chiếm đoạt số tiền lương 9.313.261 đồng và khẳng định không chiếm đoạt 09 tháng tiền nộp bảo hiểm về trên của đơn vị, trong khoảng thời gian từ tháng 07/2013 đến tháng 6/2014 bị cáo có trực tiếp nộp 03 tháng bảo hiểm với số tiền 64.941.440 đồng, 09 tháng còn lại bị cáo có nhờ bị cáo Th có nộp dùm, Th có mang phiếu nộp tiền về trình Hiệu trưởng và lưu hồ sơ. Sau đó, tháng 09/2016 Th trực tiếp gặp cô Huỳnh Ngọc Thu H1 (Hiệu Trưởng) mượn hồ sơ kế toán để làm báo cáo cho Đoàn thanh tra nhà nước huyện An Phú thì làm mất toàn bộ chứng từ nộp bảo hiểm, trong đó có 03 chứng từ mà bị cáo H trực tiếp nộp. Hội đồng xét xử xét thấy, qua xác minh, thu thập chứng cứ đối với Phòng giáo dục, đào tạo huyện A thì hàng năm Phòng giáo dục huyện An Phú xuống kiểm tra quyết toán kinh phí đối với Trường Tiểu học A đều thể hiện đầy đủ chứng từ, không có bất cứ văn bản nào thể hiện có việc sai phạm về công tác tài chính. Việc bị cáo Nguyễn Thành Th mượn hồ sơ và làm mất chứng từ, được cô H1

xác nhận (bút lục 1204- 1207) là do bị cáo Th đối phó, cố ý làm mất chứng từ để né tránh sự thật, nhằm trốn tránh trách nhiệm hình sự. Từ đó có cơ sở xác định, bị cáo H không có hành vi chiếm đoạt hay sử dụng tiền bảo hiểm để tiêu xài cá nhân nên chỉ chịu trách nhiệm dân sự do thiếu trách nhiệm và không phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền này là đúng với bản chất sự việc như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại tòa hôm nay.

Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi của bị cáo Lê Thị Thúy H là nguy hiểm cho xã hội, làm thất thoát ngân sách Nhà nước, gây mất đoàn kết trong đơn vị và ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị tại địa phương nên án sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Tham ô tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, phù hợp pháp luật. Khi lượng hình, cấp sơ thẩm có xem xét cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tuyên phạt 01 năm 06 tháng tù là hoàn toàn có căn cứ. Đây mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, không phải là mức án nặng như bị cáo trình bày. Lẽ ra, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, trong thời gian chờ xét xử phúc thẩm, nhận thức được sai phạm của bản thân, bị cáo đã tự giác khắc phục số tiền 25.220.000 đồng và án phí sơ thẩm theo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện An Phú, xem như khắc phục xong toàn bộ trách nhiệm dân sự. Bản thân bị cáo là lao động chính, giai đoạn điều tra, truy tố bị cáo mang thai, và đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi nhưng cấp sơ thẩm khi lượng hình không áp dụng điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 để xem xét quyết định hình phạt cho bị cáo H là có thiếu sót trong việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Mặt khác, tình tiết không chiếm đoạt tiền bảo hiểm cũng là một tình tiết để làm căn cứ giảm nhẹ hình phạt. Trong vụ án này, bị cáo phạm tội tham ô tài sản nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, ngoài những tình tiết giảm nhẹ đã được cấp sơ thẩm cân nhắc, còn có những tình tiết mới phát sinh trong giai đoạn xét xử phúc thẩm cần được ghi nhận xem xét. Do đó, để thể hiện chính sách khoan hồng đối với người phạm tội thực sự ăn năn hối cải, Hội đồng xét xử quyết định giảm cho bị cáo 06 tháng tù như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa hôm nay.

[5] Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Lê Thị Thúy H không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm theo điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị Thúy H; Sửa bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 353; Điều 17, Điều 38, Điều 46, các điểm b,s,n khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 54, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị Thúy H 01 (một) năm tù về tội “Tham ô tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự và án phí sơ thẩm: Bị cáo Lê Thị Thúy H đã nộp số tiền 25.220.000 đồng (Hai mươi lăm triệu, hai trăm hai mươi ngàn đồng) tại biên lai thu tiền số 007199 ngày 04/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Phú theo Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2018/HSST ngày 20/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Bị cáo Lê Thị Thúy H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2018/HSST ngày 20/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao (1);
- VKSND tỉnh An Giang (2);
- TAND huyện,thị (2);
- Công an huyện (1);
- Cục THADS tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện (1);
- Trại tạm giam (1);
- Bị cáo (1);
- Phòng KTNV và THA (1);
- Tòa hình sự (1);
- PV 27 (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Văn phòng (2);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Ngọc Sơn